

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 – 5 – 2024

“ *V/v Tranh chấp ly hôn* ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LIÊM, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Trần Thị Thu Hà.

2/ Ông Trần Văn Lập

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Liêm, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.*

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 631/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc “*Xin ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST – HNGĐ ngày 29/4/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà [Nguyễn Thị Tuyết H](#), sinh năm: 1965.

Địa chỉ cư trú: [ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long](#).

- *Bị đơn:* Ông [Nguyễn Văn V](#), sinh năm: 1967.

Địa chỉ cư trú: [ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn bà [Nguyễn Thị Tuyết H](#) trình bày:**

- *Về mối quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà [H](#) và ông [V](#) hình thành là do tự tìm hiểu có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thì vợ chồng sống tại [xã T](#), đến 2006 thì vợ chồng chuyển về sống tại [xã H, huyện T](#). Vợ chồng bà [H](#) và ông [V](#) chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông [V](#) không chí thú làm ăn và thường xuyên đá gà, cá độ bóng đá, có quan hệ bất chính với phụ nữ khác; bà [H](#) đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông

V không thay đổi mà còn nhiều lần có hành vi bạo lực với bà H. Bà H và ông V tuy hiện nay vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau từ năm 2016 cho đến nay.

Nay bà H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông V.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn D, sinh năm 1984 và Nguyễn Thi Trúc L, sinh năm 1986. Hiện 2 con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông V vắng mặt tại phiên Tòa không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng, không cung cấp bằng khai ý kiến về các vấn đề của nguyên đơn yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[1.2] Xét nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25/3/2024 và việc bị đơn ông V được triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và thời gian xét xử đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn; Hội đồng xét xử, quyết định xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét thấy, giữa bà H và ông Vũ s chung như vợ chồng từ năm 1983, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Tại điểm a mục 3 của Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định “Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”.

Trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông V có nhiều mâu thuẫn do ông V không chí thú làm ăn và thường xuyên đá gà, cá độ bóng đá, có quan hệ bất chính với phụ nữ khác; bà H đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông V không thay đổi mà còn nhiều lần có hành vi bạo lực với bà H. Bà H và ông V tuy hiện nay vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau từ năm 2016 cho đến nay từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tòa án đã triệu tập ông V nhiều lần, để hòa giải nhằm giúp hai bên có thời gian, có cơ hội hàn gắn tình cảm, nhưng ông V cố tình tránh né không đến Tòa án.

Từ đó, cho thấy ông V không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên bà H yêu cầu xin ly hôn với ông V là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn D, sinh năm 1984 và Nguyễn Thi Trúc L, sinh năm 1986. Hiện 2 con đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: bà H không yêu cầu giải quyết. Bị đơn ông V không có ý kiến phản bác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: bà H không yêu cầu giải quyết. Bị đơn ông V không có ý kiến phản bác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: bà H phải chịu số tiền án phí là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; 228; 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 11, 18, 19, 21, 23 và 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a mục 3 của Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử;*

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thi Tuyết H được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà Nguyễn Thi Tuyết H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thi Tuyết H phải nộp số tiền là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu

số 0008638 ngày 21/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, nên bà **H** không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Nơi nhận:*

**THẨM**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Cường**

